

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH-
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/DS-ST

Ngày: 09/11/2021

Về việc: “Tranh chấp về quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu H- ong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Ứng Cương

2. Ông Danh Chung

- Th[□] ký phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên - Th- ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Lâm Sễn- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 171/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2020 về “Tranh chấp về quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXX-ST, ngày 12 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Đồng nguyên đơn:

- Ông Danh T (Danh T), sinh năm 1945

Địa chỉ: Tổ 5, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh K.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Danh T: Ông Trần Minh H, sinh năm 1983, ngụ tại số nhà X đường N, phường V, thành phố R, tỉnh K - Theo văn bản ủy quyền đề ngày 08/9/2020.

- Anh Danh T, sinh năm 1975 (Con ông Danh T)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh K.

- Anh Danh D, sinh năm 1980 (Con ông Danh T)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh K.

- Anh Danh L, sinh năm 1982 (Con ông Danh T)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh K.

- Chị Thị M, sinh năm 1985 (Con ông Danh T)

Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh K.

- Anh Danh C, sinh năm 1987 (Con ông Danh T)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh K.

- Anh Danh Đ, sinh năm 1989 (Con ông Danh T)

Địa chỉ: Tổ 5, ấp T, xã, huyện C, tỉnh K.

(Các đương sự Danh T, Danh T, Trần Minh H có mặt tại phiên tòa;
Các đồng nguyên đơn còn lại vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà **Thị Xà Q** (Thị Sà Q), sinh năm 1952

Địa chỉ: Tổ 2, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh K.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn **Thị Xà Q**: Ông **Trần Hữu P**, sinh năm 1954– Luật sư của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang (BL 90).

(Bà Q, ông P có mặt tại phiên tòa)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị **Thị L**, sinh năm 1977 (Con bà **Thị Xà Q**)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh K.

- Chị **Thị Th**, sinh năm 1978 (Con bà **Thị Xà Quên**)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh K.

- Chị **Thị Đ**, sinh năm 1987 (Con bà **Thị Xà Quên**)

Địa chỉ: Tổ 2, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh K.

- Bà **Thị S**, sinh năm 1947 (Vợ ông **Danh R**)

- Chị **Thị H**, sinh năm 1984 (Con ông **Danh R**, bà **Thị S**)

- Chị **Thị Sà R**, sinh năm 1976 (Con ông **Danh R**, bà **Thị S**)

- Chị **Thị Sà R**, sinh năm 1977 (Con ông **Danh R**, bà **Thị S**)

- Anh **Danh C**, sinh năm 1984 (Con ông **Danh R**, bà **Thị S**)

- Anh **Danh T**, sinh năm 1986 (Con ông **Danh R**, bà **Thị S**)

- Chị **Thị H**, sinh năm 1986 (Con ông **Danh R**, bà **Thị S**)

- Anh **Danh C**, sinh năm 1991 (Con ông **Danh R**, bà **Thị S**)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh K.

- Bà **Thị Tr**, sinh năm 1951

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh K.

- Ông **Danh S**, sinh năm 1957

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh K.

- Bà **Thị D**, sinh năm 1964 (Vợ ông **Danh B**)

- Anh **Danh D**, sinh năm 1986 (Con ông **Danh B**, bà **Thị D**)

- Chị **Thị L**, sinh năm 1989 (Con ông **Danh B**, bà **Thị D**)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh K.

- Ông **Danh N**, sinh năm 1961

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh K.

- Anh **Phan Văn T**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Số nhà H, đường K, khu phố N, phường V, thành phố R, tỉnh K.

(Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Thị L**, **Thị Th**, **Thị Đ**,
Phan Văn T có mặt tại phiên tòa;

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 24/7/2020 của đồng nguyên đơn, bản tự khai của các đương sự, nội dung các phiên hoà giải, hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung như sau:

Tại bản tự khai, tờ tường trình, biên bản lấy lời khai vào các ngày 29/9/2020, 02/12/2020, 02/6/2021, 18/6/2021 và các phiên hòa giải, ông Danh T trình bày:

Bà Thị L (sinh năm 1935, chết vào ngày 01/4/2000) và ông Danh S (tự là Chom, sinh năm 1904, chết vào năm 1964) là vợ chồng. Bà Thị L và ông Danh S có được 06 người con là các ông, bà Danh R (đã chết; vợ là Thị S; các con là Thị H, Thị Sà R, Thị Sà R, Danh C, Danh T, Thị H, Danh C), Thị Tr, Thị D (sinh năm 1955, chết ngày 08/02/2011; chồng bà Thị D là tôi- đồng nguyên đơn; các con cùng là đồng nguyên đơn), Danh S, Danh B (đã chết; vợ là Thị D - Thị D; các con là Danh D, Thị L) và Danh N. Ông Danh R là anh cùng cha khác mẹ với bà Thị D. Bà Thị Xà Q là vợ của ông Danh R.

Tôi và bà Thị D có được 06 người con là các ông, bà Danh T, Danh D, Danh L, Thị M, Danh C và Danh Đ. Khi còn sống, vào năm 1978, bà Thị L có cho bà Thị D phần đất vườn có diện tích 450m², thuộc thửa đất số 87, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh K, việc cho đất không có làm văn bản, chỉ cho bằng lời nói. Phần đất này do tôi đăng ký kê khai tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Thạnh Lộc vào năm 1998 và đã có tên trên bản đồ địa chính, sổ mục kê, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi bà Thị D chết thì đồng nguyên đơn vẫn tiếp tục sử dụng diện tích đất nêu trên từ năm 1978 cho đến năm 2018, có một số người làm chứng và chính quyền địa phương xác nhận. Đầu năm 2019, bà Thị Xà Q ngăn cản đồng nguyên đơn sử dụng diện tích đất này nên hai bên phát sinh tranh chấp.

Vào ngày 22/02/2017, tôi đã chuyển nhượng phần đất tranh chấp nêu trên cho ông Phan Văn T, giá chuyển nhượng là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng), tôi đã nhận đủ tiền chuyển nhượng đất, hai bên có làm giấy tay chuyển nhượng đất do ông T giữ, nhưng khi tôi giao đất cho ông T sử dụng thì bà Thị Xà Q tranh chấp.

Tôi và đồng nguyên đơn đồng ý với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án vào ngày 10/12/2020, kết quả đo đạc theo tờ trích đo địa chính số TĐ 476-2020 (87-07) ngày 24/12/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành, kết quả định giá theo chứng thư định giá số Vc 21/6/56/CT-TVAP ngày 25/6/2021 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) định giá Thịnh Vượng. Không yêu cầu đo đạc lại và không yêu cầu định giá lại.

Đồng nguyên đơn yêu cầu:

- Công nhận phần đất vườn có diện tích 450m² (đo đạc thực tế là 436,3m²), thuộc thửa đất số 87, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh K là thuộc quyền sử dụng của đồng nguyên đơn.

- Buộc bà Thị Xà Q chấm dứt hành vi bao chiếm, ngăn cản trái pháp luật việc đồng nguyên đơn sử dụng diện tích đất nêu trên.

Ông Trần Minh H trình bày: Tôi thống nhất theo ý kiến của ông Danh T và không bổ sung gì thêm.

Tại bản tự khai ngày 29/9/2020, tờ tường trình ngày 02/6/2021 và các phiên hòa giải, ông Danh T trình bày:

Gia đình tôi có phần đất vườn với diện tích 450m² (đo đạc thực tế là 436,3m²), thuộc thửa đất số 87, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh K. Nguồn gốc đất này là của bà ngoại của tôi tên Thị L cho lại cha mẹ của tôi là ông Danh T (Danh T- đồng nguyên đơn) và bà Thị D từ năm 1978, ông Danh T đã làm thủ tục kê khai đăng ký quyền sử dụng đất tại UBND xã Thanh Lộc vào năm 1998 và đã có tên trên bản đồ địa chính, sổ mục kê, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và gia đình tôi sử dụng đất này từ năm 1978 cho đến năm 2018, đầu năm 2019 thì bà Thị Xà Q (Vợ ông Danh R, ông Danh R là anh cùng cha khác mẹ với bà Thị D) tranh chấp.

Tôi yêu cầu:

- Công nhận phần đất vườn có diện tích 450m² (đo đạc thực tế là 436,3m²), thuộc thửa đất số 87, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh K là thuộc quyền sử dụng của đồng nguyên đơn.

- Buộc bà Thị Xà Q chấm dứt hành vi bao chiếm, ngăn cản trái pháp luật việc đồng nguyên đơn sử dụng diện tích đất nêu trên.

Tôi và đồng nguyên đơn đồng ý với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án vào ngày 10/12/2020, kết quả đo đạc theo tờ trích đo địa chính số TĐ 476-2020 (87-07) ngày 24/12/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành, kết quả định giá theo chứng thư định giá số Vc 21/6/56/CT-TVAP ngày 25/6/2021 của Công ty TNHH định giá Thịnh Vượng. Không yêu cầu đo đạc lại và không yêu cầu định giá lại.

Tại các bản tự khai, tờ tường trình vào các ngày 18/9/2020, 29/9/2020, 02/6/2021 (BL 99, 106 đến 109, BL 235), các đồng nguyên đơn Thị M, Danh D, Danh L, Danh C và Danh Đ trình bày:

Gia đình chúng tôi có phần đất vườn với diện tích 450m² thuộc thửa đất số 87, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh K. Nguồn gốc đất này là của bà ngoại của chúng tôi tên Thị L cho lại cha mẹ của chúng tôi là ông Danh T (Danh T- đồng nguyên đơn) và bà Thị D từ năm 1978, ông Danh T đã làm thủ tục kê khai đăng ký quyền sử dụng đất tại UBND xã Thanh Lộc vào năm 1998 và đã có tên trên bản đồ địa chính, sổ mục kê, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và gia đình chúng tôi sử dụng đất này từ năm 1978 cho đến năm 2018, đầu năm 2019 thì bà Thị Xà Q (Vợ ông Danh R, ông Danh R là anh cùng cha khác mẹ với bà Thị D) tranh chấp.

Chúng tôi yêu cầu:

- Công nhận phần đất vườn có diện tích 450m², thuộc thửa đất số 87, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh K là thuộc quyền sử dụng của đồng nguyên đơn.

- Buộc bà Thị Xà Q chấm dứt hành vi bao chiếm, ngăn cản trái pháp luật việc đồng nguyên đơn sử dụng diện tích đất nêu trên.

Tại bản tự khai ngày 19/8/2020 và các phiên hòa giải, bà Thị Xà Q trình bày:

Mẹ chồng của tôi là bà Thị D. Bà Thị D có các anh, chị em ruột là các ông, bà Danh H, Thị V, Thị D và Thị S. Các ông, bà Danh H, Thị V, Thị D, Thị S đều đã

chết từ rất lâu. Khi bà Thị D còn độc thân thì bà Thị D được các anh, chị em thống nhất cho bà Thị D phần đất vườn với diện tích là 05 công tầm 03 mét tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh K, việc cho đất chỉ cho bằng lời nói, không lập thành văn bản. Sau đó, bà Thị D lập gia đình với ông Danh S (tự là Ch). Bà Thị D và ông Danh S có 01 người con chung là ông Danh R. Khi ông Danh R được 04 tuổi thì bà Thị D chết. Một năm sau thì ông Danh S lập gia đình với bà Thị L. Ông Danh R lớn lên thì bị bắt đi lính nguy. Sau giải phóng Miền Nam, ông Danh R được tha về và canh tác phần đất vườn do bà Thị D để lại. Vào năm 1976, ông Danh R lập gia đình với tôi. Tôi và ông Danh R có được 03 người con chung là Thị L, Thị Th và Thị Đ. Ông Danh R sinh năm 1944, chết vào ngày 02/02/2015, nhằm ngày 14/12/2014 âm lịch.

Khi Tòa xem xét thẩm định tại chỗ diện tích đất tranh chấp vào ngày 10/12/2020 thì trên đất có căn chòi bằng cây lá sắp sập của ông Danh S (em ruột của tôi) do tôi cất cho ông Danh S ở nhờ, nay ông Danh S không còn ở trên đất này, căn chòi mục không ai ở nên để trống, tôi trồng chuối trên toàn bộ đất tranh chấp.

Ông Danh T và gia đình ông Danh T không hề sử dụng diện tích đất này. Tôi sử dụng diện tích đất này từ năm nào tôi không nhớ rõ, chỉ biết tôi sử dụng từ lúc tôi lập gia đình với ông Danh R cho đến nay.

Tôi đồng ý với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án vào ngày 10/12/2020, kết quả đo đạc theo tờ trích đo địa chính số TĐ 476-2020 (87-07) ngày 24/12/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành, kết quả định giá theo chứng thư định giá số Vc 21/6/56/CT-TVAP ngày 25/6/2021 của Công ty TNHH định giá Thịnh Vượng. Không yêu cầu đo đạc lại và không yêu cầu định giá lại. Tôi không có yêu cầu phản tố gì trong vụ án này.

Tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn vì phần đất đồng nguyên đơn tranh chấp với tôi hiện nay là tài sản riêng của bà Thị D lúc còn độc thân, sau này thuộc quyền sử dụng của ông Danh R, ông Danh R trực tiếp sử dụng diện tích đất này, ông Danh R chết thì tôi tiếp tục trực tiếp sử dụng diện tích đất tranh chấp cho đến nay.

Tại bản tự khai ngày 30/9/2020 và các phiên hòa giải, chị Thị Đ trình bày:

Tôi có ý kiến như ý kiến của bà Thị Xà Q, tôi yêu cầu Tòa án xử phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bà Thị Xà Q. Tôi không có tranh chấp gì trong vụ án này. Tôi đồng ý với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án vào ngày 10/12/2020, kết quả đo đạc theo tờ trích đo địa chính số TĐ 476-2020 (87-07) ngày 24/12/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành, kết quả định giá theo chứng thư định giá số Vc 21/6/56/CT-TVAP ngày 25/6/2021 của Công ty TNHH định giá Thịnh Vượng. Không yêu cầu đo đạc lại và không yêu cầu định giá lại.

Tại bản tự khai ngày 30/9/2020 (BL 127, 128), chị Thị L, chị Thị Th trình bày: Chúng tôi có ý kiến như ý kiến của bà Thị Xà Q, chúng tôi yêu cầu Tòa án xử phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bà Thị Xà Q. Chúng tôi không có tranh chấp gì trong vụ án này.

Tại bản tự khai ngày 29/5/2021 (BL 233) và phiên hòa giải ngày 06/7/2021, anh Phan Văn T trình bày:

Vào ngày 22/02/2017, tôi có nhận chuyển nhượng của ông Danh T (Danh T) phần đất có chiều ngang là 35m, chiều dài là 35m, tổng diện tích là 1.225m² (do không trừ đất lưu không), đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh K, với giá chuyển nhượng là 70.000.000 đồng, hai bên chỉ làm giấy tay theo “Hợp đồng mua bán đất” đề ngày 22/02/2017, tôi đã giao đủ số tiền chuyển nhượng cho ông Danh T có sự chứng kiến của ông Hữu Đ và ông Danh Đ. Tại thời điểm tôi chuyển nhượng phần đất này thì ông Danh T chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng tôi biết phần đất này ông Danh T đã canh tác, quản lý từ trước đến nay (được thể hiện tại sổ mục kê của UBND xã Thạnh Lộc vào năm 1997 do ông Danh T là chủ sử dụng đất). Tôi đồng ý với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án vào ngày 10/12/2020, kết quả đo đạc theo tờ trích đo địa chính số TĐ 476-2020 (87-07) ngày 24/12/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành, kết quả định giá theo chứng thư định giá số Vc 21/6/56/CT-TVAP ngày 25/6/2021 của Công ty TNHH định giá Thịnh Vượng. Không yêu cầu đo đạc lại và không yêu cầu định giá lại.

Nay giữa ông Danh T và bà Thị Xà Q tranh chấp về quyền sử dụng diện tích đất nêu trên thì tùy Tòa án giải quyết, tôi không có tranh chấp gì trong vụ án này. Đối với hợp đồng mua bán đất giữa tôi và ông Danh T, nếu có tranh chấp về sau thì tôi sẽ khởi kiện thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Tại các bản tự khai ngày 14/5/2021 (BL 198, 200, 202, 204, 206, 208, 210, 212), các đương sự Thị S, Thị H, Thị Sà R, Thị Sà R, Danh C, Danh T, Thị H, Danh C trình bày:

Chúng tôi là vợ và các con của ông Danh R, ông Danh R (Đã chết vào năm 2013) là con của ông Danh S và bà Thị L. Phần đất vườn với diện tích 450m² thuộc thửa đất số 87, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh K có nguồn gốc của bà Thị L, bà Thị L cho lại vợ chồng bà Thị D và ông Danh T sử dụng. Chúng tôi không có tranh chấp gì trong vụ án “Tranh chấp về quyền sử dụng đất” giữa ông Danh T và bà Thị Sà Q hiện nay.

Tại bản tự khai ngày 14/5/2021 (BL 214), bà Thị T trình bày:

Tôi là con của ông Danh S và bà Thị L, bà Thị D là em ruột của tôi. Phần đất vườn với diện tích 450m² thuộc thửa đất số 87, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh K có nguồn gốc của bà Thị Liễu, bà Thị L cho lại vợ chồng bà Thị D và ông Danh T sử dụng. Tôi không có tranh chấp gì trong vụ án “Tranh chấp về quyền sử dụng đất” giữa ông Danh T và bà Thị Sà Q hiện nay.

Tại bản tự khai ngày 14/5/2021 (BL 216), ông Danh S trình bày:

Tôi là con của ông Danh S và bà Thị L, bà Thị D là chị ruột của tôi. Phần đất vườn với diện tích 450m² thuộc thửa đất số 87, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh K có nguồn gốc của bà Thị L, bà Thị L cho lại vợ chồng bà Thị D và ông Danh T sử dụng. Tôi không có tranh chấp gì trong vụ án “Tranh chấp về quyền sử dụng đất” giữa ông Danh T và bà Thị Sà Q hiện nay.

Tại các bản tự khai ngày 14/5/2021 (BL 218, 220, 222), các đương sự Thị D, Danh D, Thị L trình bày:

Chúng tôi là vợ và các con của ông Danh B, ông Danh B (Đã chết vào năm 2016) là con của ông Danh S và bà Thị L. Phần đất vườn với diện tích 450m² thuộc thửa đất số 87, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh K có nguồn gốc của bà Thị L, bà Thị L cho lại vợ chồng bà Thị D và ông Danh T sử dụng. Chúng tôi không có tranh chấp gì trong vụ án “Tranh chấp về quyền sử dụng đất” giữa ông Danh T và bà Thị Sà Q hiện nay.

Tại bản tự khai ngày 14/5/2021 (BL 224), ông Danh N trình bày:

Tôi là con của ông Danh S và bà Thị L, bà Thị D là chị ruột của tôi. Phần đất vườn với diện tích 450m² thuộc thửa đất số 87, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh K có nguồn gốc của bà Thị L, bà Thị L cho lại vợ chồng bà Thị D và ông Danh T sử dụng. Tôi không có tranh chấp gì trong vụ án “Tranh chấp về quyền sử dụng đất” giữa ông Danh T và bà Thị Sà Q hiện nay.

*** Tại phiên tòa,**

Các đương sự đều đồng ý với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án vào ngày 10/12/2020, kết quả đo đạc theo tờ trích đo địa chính số TĐ 476-2020 (87-07) ngày 24/12/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành, kết quả định giá theo Chứng thư định giá số Vc 21/6/56/CT-TVAP ngày 25/6/2021 của Công ty TNHH định giá Thịnh Vượng, không yêu cầu đo đạc, định giá lại.

Các đương sự Danh T, Danh T, Trần Minh H vẫn giữ nguyên lời trình bày nêu trên và yêu cầu Tòa án công nhận phần đất vườn có diện tích 450m² (đo đạc thực tế là 436,3m²), thuộc thửa đất số 87, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh K là thuộc quyền sử dụng của đồng nguyên đơn; buộc bà Thị Sà Q và các con của bà Thị Sà Q chấm dứt hành vi bao chiếm, ngăn cản trái pháp luật việc đồng nguyên đơn sử dụng diện tích đất nêu trên; không đồng ý hoàn lại cho bà Thị Sà Q giá trị của căn chòi bằng cây lá và cây trồng có trên diện tích đất tranh chấp theo kết quả định giá, yêu cầu bà Thị Sà Q và các con của bà Q phải di dời căn chòi bằng cây lá và cây trồng có trên diện tích đất tranh chấp ra khỏi diện tích đất tranh chấp.

Bà Thị Sà Q, các chị Thị L, Thị Th, Thị Đ vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu nêu trên. Bà Thị Sà Q bổ sung là bà sử dụng đất này từ năm 1976 cho đến nay nhưng bà không thực hiện việc kê khai đăng ký đất đai theo quy định của pháp luật.

Anh Phan Văn T giữ nguyên ý kiến, yêu cầu nêu trên và bổ sung là vào thời điểm anh và ông Danh T giao kết “Hợp đồng mua bán đất” đề ngày 22/02/2017 và anh tiến hành đốn các cây trồng có trên diện tích đất chuyển nhượng (Nay là diện tích đất tranh chấp) thì bà Thị Sà Q và các con của bà Q đều biết nhưng không có tranh chấp gì, năm 2019 đất lên giá thì bà Thị Sà Q mới tranh chấp với ông Danh T.

Ông Trần Hữu P đề nghị Tòa án bác yêu cầu của đồng nguyên đơn, công nhận diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bà Thị Sà Q.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Th- ký phiên tòa và của ng- ời tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tr- ớc thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng quy định. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của đồng nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đ- ọc kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Do phát sinh tranh chấp trong việc sử dụng đất nên các đồng nguyên đơn Danh T, Danh T, Danh D, Danh L, Thị M, Danh C và Danh Đ đã khởi kiện bà Thị Xà Q (Thị Sà Q) tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang vào ngày 24/7/2020 để yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền sử dụng đất. Diện tích đất tranh chấp tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh K. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn Thị Sà Q không có yêu cầu phản tố và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập mặc dù Tòa án đã thông báo cho **các đương sự** theo quy định của pháp luật. Do đó, đây là vụ án "Tranh chấp về quyền sử dụng đất" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về việc thay đổi Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Ngày 05/8/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã phân công Kiểm sát viên Trang Minh Tú tham gia phiên tòa theo Quyết định số 172/QĐ-VKS-DS (BL 22). Do Kiểm sát viên Trang Minh Tú chuyển công tác, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã phân công Kiểm sát viên Lâm Sễn tham gia phiên tòa thay Kiểm sát viên Trang Minh Tú theo Quyết định số 11/QĐ-VKS-DS ngày 13/10/2021 (BL 296, 297), nên Kiểm sát viên Lâm Sễn tham gia phiên tòa hôm nay.

Về việc vắng mặt các đương sự Danh D, Danh L, Thị M, Danh C, Danh Đ, Thị S, Thị H, Thị Sà R, Thị Sà R, Danh C, Danh T, Thị H, Danh C, Thị Tr, Danh S, Thị D, Danh D, Thị L, Danh N tại phiên tòa: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã tổng đạt Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 36/2021/QĐXXST-DS, ngày 12/10/2021 cho các đương sự theo quy định của pháp luật, các đương sự đã có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt (Các BL 111, 112, 100, 113, 114, 197, 199, 201, 203, 205, 207, 209, 211, 213, 215, 217, 219, 221, 223), đ- ọc sự thống nhất của các đ- ơng sự có mặt tại phiên tòa, **ông Trần Hữu P và Kiểm sát viên tham gia phiên tòa**, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự có tên nêu trên theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn Danh T, Danh T, Danh D, Danh L, Thị M, Danh C và Danh Đ:

Xét rằng:

- Về quan hệ gia đình của đồng nguyên đơn và bị đơn:

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, các đương sự đều tự nguyện thừa nhận là bà Thị D và ông Danh S (Tự là Ch, sinh năm 1904, chết vào năm 1964) có 01 người con chung là ông Danh R (Sinh năm 1944, chết vào ngày 02/02/2015, nhằm ngày 14/12/2014 âm lịch). Khi ông Danh R được 04 tuổi thì bà Thị D chết. Một năm sau, ông Danh S lập gia đình với bà Thị L (Sinh năm 1935, chết vào ngày 01/4/2000). Bà Thị L và ông Danh S có được 06 người con chung gồm các ông, bà: Ông Danh R (Đã chết; vợ là bà Thị S; các con là các anh, chị Thị H, Thị Sà R, Thị Sà R, Danh C, Danh T, Thị H, Danh C), bà Thị Tr, bà Thị D (Sinh năm 1955, chết vào ngày 08/02/2011; chồng bà Thị D là ông Danh T; ông Danh T và bà Thị D có được 06 người con chung là các anh, chị Danh T, Danh D, Danh L, Thị M, Danh C và Danh Đ cùng là đồng nguyên đơn), ông Danh S, ông Danh B (Đã chết; vợ là bà Thị D; các con là anh Danh D, chị Thị L) và ông Danh N. Ông Danh R là anh cùng cha khác mẹ với bà Thị D. Bà Thị Sà Q lập gia đình với ông Danh R vào năm 1976, có được 03 người con chung là các chị Thị L, Thị Th và Thị Đ. Sự thừa nhận của các đương sự phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp 450m² (đo đạc thực tế là 436,3m²), thuộc thửa đất số 87, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh K và quá trình sử dụng đất của các đương sự:

Theo đồng nguyên đơn thì thửa đất nêu trên do ông Danh S và bà Thị L khai phá, sử dụng từ xưa, sau khi ông Danh S chết thì bà Thị L cùng các con tiếp tục quản lý, sử dụng đất này, bà Thị L cho bà Thị D thửa đất này vào năm 1978, việc cho đất không có làm văn bản, chỉ cho bằng lời nói, bà Thị D và đồng nguyên đơn sử dụng diện tích đất nêu trên từ năm 1978, ông Danh T đã đăng ký kê khai quyền sử dụng đất tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Lộc- huyện Châu Thành- tỉnh Kiên Giang vào năm 1998 và đã có tên trên bản đồ địa chính, sổ mục kê, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; sau khi bà Thị D chết, đồng nguyên đơn vẫn tiếp tục sử dụng diện tích đất nêu trên cho đến năm 2018, đầu năm 2019 thì bà Thị Xà Q tranh chấp. Trình bày nêu trên của đồng nguyên đơn được thể hiện, chứng minh tại các bút lục 03, 04, 235, 236, 239 với sự xác nhận của người sinh sống lâu năm tại địa phương và có được sự xác nhận của chính quyền địa phương, phù hợp với trình bày của các đương sự Thị S, Thị H, Thị Sà R, Thị Sà R, Danh C, Danh T, Thị H, Danh C, Thị Tr, Danh S, Thị D, Danh D, Thị L, Danh N.

Theo nội dung phúc đáp tại Công văn số 125/UBND-TNMT ngày 16/4/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành- tỉnh Kiên Giang thì diện tích đất nêu trên nằm trong quy hoạch loại đất ở nông thôn và có đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân, không nằm trong quy hoạch của Nhà nước (BL 187).

Tại Công văn số 75/CV-UBND ngày 15/3/2021, Ủy ban nhân dân xã Thạnh Lộc- huyện Châu Thành- tỉnh Kiên Giang phúc đáp nội dung “Vì sao ông Danh T

(Danh T) được đứng tên trên tờ bản đồ địa chính và sổ mục kê đối với diện tích đất tranh chấp giữa các đương sự” theo nội dung Công văn số 171/2021/CV-TA ngày 08/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành- tỉnh Kiên Giang là: “Vào năm 1997 và năm 1998, tại UBND xã Thạnh Lộc có đợt đăng ký kê khai cấp đại trà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc ông Danh T (Danh T) được đứng tên trên sổ mục kê đối với diện tích đất tranh chấp giữa các đương sự UBND xã không nắm rõ” (BL 176, 177) là Ủy ban nhân dân xã Thạnh Lộc né tránh trách nhiệm, vì sau khi ông Danh T đăng ký kê khai quyền sử dụng đất thì UBND xã Thạnh Lộc phải có nghĩa vụ và trách nhiệm xác minh xem việc kê khai của ông Danh T là đúng hay sai, sau khi đã xác minh khẳng định là việc kê khai của ông Danh T là đúng và không có tranh chấp thì UBND xã Thạnh Lộc mới tiến hành ghi tên ông Danh T vào bản đồ địa chính và sổ mục kê. Ông Danh T không thể và không có thẩm quyền tự mình ghi tên mình vào bản đồ địa chính và sổ mục kê. Do đó, quyền sử dụng của ông Danh T đối với thửa đất nêu trên là hoàn toàn hợp pháp.

Theo bị đơn Thị Sà Q và các con của bà Thị Sà Q thì thửa đất nêu trên có nguồn gốc là do các anh, chị em ruột của bà Thị D là các ông, bà Danh H, Thị V, Thị D và Thị S (Đều đã chết từ rất lâu) cho bà Thị D khi bà Thị D còn độc thân, việc cho đất chỉ cho bằng lời nói, không lập thành văn bản. Sau giải phóng Miền Nam thì ông Danh R (Con của bà Thị D và ông Danh S) canh tác phần đất này. Vào năm 1976, ông Danh R lập gia đình với bà Thị Sà Q, bà Q sử dụng đất này từ năm 1976 cho đến nay. Tuy nhiên, bà Thị Sà Q và các con của bà Q không cung cấp chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ để Tòa án xem xét, mặc dù Tòa án đã yêu cầu bà Q và các con của bà Q cung cấp chứng cứ chứng minh theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, bà Thị Sà Q trình bày là bà sử dụng đất này từ năm 1976 cho đến nay nhưng bà Thị Sà Q lại không thực hiện việc kê khai đăng ký đất đai theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền sử dụng đất của bà Thị Sà Q.

Tại Công văn số 75/CV-UBND ngày 15/3/2021, Ủy ban nhân dân xã Thạnh Lộc- huyện Châu Thành- tỉnh Kiên Giang phúc đáp nội dung Công văn số 171/2021/CV-TA ngày 08/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành- tỉnh Kiên Giang là: Diện tích đất tranh chấp là đất của bà Thị D có trước khi lập gia đình; ông Danh T không trực tiếp quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp; bà Thị Xà Q có trồng dừa nước, sử dụng đất hàng năm từ thời điểm được nhận tặng cho (BL 176, 177). Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân xã Thạnh Lộc không nêu được căn cứ hoặc cung cấp văn bản nào để chứng minh cho nội dung phúc đáp này của UBND xã Thạnh Lộc là có căn cứ để Tòa án xem xét, không đồng nhất với bản đồ địa chính, sổ mục kê, nội dung xác nhận của Ban lãnh đạo ấp Thạnh Yên, xác nhận của người sinh sống lâu năm tại địa phương (BL 03, 04, 236, 239).

2.2. Về căn chòi bằng cây lá và cây trồng có trên diện tích đất tranh chấp:

Để xem xét, giải quyết toàn diện vụ án, khi xét xử diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ai, Tòa án phải xem xét cả về vật có trên diện tích đất tranh chấp. Theo Chứng thư định giá số Vc 21/6/56/CT-TVAP ngày 25/6/2021 của Công ty TNHH định giá Thịnh Vượng thì căn chòi bằng cây lá có giá trị là

2.183.000 đồng, cây trồng (chuối) có giá trị là 4.725.000 đồng, tổng cộng là 6.908.000 đồng. Vào thời điểm Tòa án nhân dân huyện Châu Thành- tỉnh Kiên Giang xem xét, thẩm định tại chỗ (ngày 10/12/2020) thì ông Danh S sử dụng căn chòi bằng cây lá và cây trồng có trên diện tích đất tranh chấp. Ngày 17/12/2020, ông Danh S trình bày là ông đã không còn ở trên diện tích đất tranh chấp và từ chối tham gia tố tụng (BL 151, 152). Do đó, Tòa án không đưa ông Danh S vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tại phiên tòa, bà Thị Sà Q và các con của bà Q cũng xác định lại lời trình bày của ông Danh S là đúng và xác định là căn chòi bằng cây lá hiện nay đã hư mục nhiều, sắp sập, không có ai sử dụng, bà Q vẫn trồng chuối trên diện tích đất tranh chấp.

2.3. Về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo “Hợp đồng mua bán đất” đề ngày 22/02/2017 (BL 232) giữa anh Phan Văn T và ông Danh T:

Do anh Phan Văn T và ông Danh T không yêu cầu Tòa án xem xét trong vụ án này, nếu có tranh chấp về sau thì các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, bác đề nghị của ông Trần Hữu P, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn.

Công nhận phần đất vườn có diện tích đo đạc thực tế là 436,3m², thuộc thửa đất số 87, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh K là thuộc quyền sử dụng của đồng nguyên đơn Danh T, Danh T, Danh D, Danh L, Thị M, Danh C, Danh Đ theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành- tỉnh Kiên Giang vào ngày 10/12/2020 (BL 153-158), tờ trích đo địa chính số TĐ 476-2020 (87-07) ngày 24/12/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành- tỉnh Kiên Giang (BL 160, 161) với các cạnh được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 1 như sau:

- Cạnh 1-2 giáp đất ông Trần Văn Hương = 18,30 mét;
- Cạnh 2-3 giáp kênh Tà Ben = 23,47 mét;
- Cạnh 3-4 giáp đất ông Danh Tài = 18,17 mét;
- Cạnh 4-1 giáp kênh Đòn Đông= 24,54 mét.

Buộc bà Thị Sà Q, các chị Thị L, Thị Th, Thị Đ phải chấm dứt hành vi bao chiếm, ngăn cản trái pháp luật việc đồng nguyên đơn sử dụng diện tích đất nêu trên.

Buộc bà Thị Sà Q, các chị Thị L, Thị Th, Thị Đ phải có trách nhiệm liên đới di dời căn chòi bằng cây lá và cây trồng có trên diện tích đất tranh chấp nêu trên theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành- tỉnh Kiên Giang vào ngày 10/12/2020 (BL 153-158) ra khỏi diện tích đất tranh chấp.

2.4. Về chi phí đo đạc, định giá đất tranh chấp: Bà Thị Sà Q phải chịu chi phí đo đạc là 397.000đ (Ba trăm chín mươi bảy ngàn đồng)- BL 162 và chi phí định giá là 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm ngàn đồng)- BL 245, tổng cộng là 2.597.000đ (Hai triệu năm trăm chín mươi bảy ngàn đồng). Ông Danh T đã tạm ứng các chi phí này, Tòa án buộc bà Thị Sà Q phải có trách nhiệm hoàn lại cho ông Danh T.

[3] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Ông Danh T, bà Thị Sà Q được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự còn lại không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Đồng nguyên đơn Danh T, Danh T, Danh D, Danh L, Thị M, Danh C, Danh Đ được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà ông Danh T đã nộp là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006471, ngày 29/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành- tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 166, 170, 179 của Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử:

1- Công nhận phần đất vườn có diện tích đo đạc thực tế là 436,3m², thuộc thửa đất số 87, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh K là thuộc quyền sử dụng của đồng nguyên đơn Danh T, Danh T, Danh D, Danh L, Thị M, Danh C, Danh Đ theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành- tỉnh Kiên Giang vào ngày 10/12/2020 (BL 153-158), tờ trích đo địa chính số TĐ 476-2020 (87-07) ngày 24/12/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành- tỉnh Kiên Giang (BL 160, 161) với các cạnh được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 1 như sau:

- Cạnh 1-2 giáp đất ông Trần Văn Hương = 18,30 mét;
- Cạnh 2-3 giáp kênh Tà Ben = 23,47 mét;
- Cạnh 3-4 giáp đất ông Danh Tài = 18,17 mét;
- Cạnh 4-1 giáp kênh Đòn Đông= 24,54 mét.

2- Buộc bà Thị Sà Q, các chị Thị L, Thị Th, Thị Đ phải chấm dứt hành vi bao chiếm, ngăn cản trái pháp luật việc đồng nguyên đơn sử dụng diện tích đất nêu trên.

3- Buộc bà Thị Sà Q, các chị Thị L, Thị Th, Thị Đ phải có trách nhiệm liên đới di dời căn chòi bằng cây lá và cây trồng có trên diện tích đất tranh chấp nêu trên theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành- tỉnh Kiên Giang vào ngày 10/12/2020 (BL 153-158).

4- Buộc bà Thị Sà Q phải có trách nhiệm hoàn lại cho ông Danh T chi phí đo đạc, định giá đất tranh chấp với tổng số tiền là 2.597.000đ (Hai triệu năm trăm chín mươi bảy ngàn đồng).

5- Về án phí:

Ông Danh T, bà Thị Sà Q được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự còn lại không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Đồng nguyên đơn Danh T, Danh T, Danh D, Danh L, Thị M, Danh C, Danh Đ được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà ông Danh Tư đã nộp là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006471, ngày 29/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành- tỉnh Kiên Giang.

Tr- ờng hợp bản án đ- ọc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ọc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ọc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6- Về quyền kháng cáo: Các đ- ơng sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/11/2021), đ- ơng sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận đ- ọc Bản án hoặc đ- ọc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, KG (khi án có hpll);
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu H- ơng